

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN ĐỊNH
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **199/2022/HNGĐ - ST**

Ngày: 16 – 9 - 2022

V/v Ly hôn và nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Ngọc Thanh

2. Bà Hoàng Thị Thu

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thắng - Thư ký TAND huyện Yên Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 16/9/2022 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai, vụ án thụ lý số 162/2022/TLST - HNGĐ ngày 12/7/2022 về việc Ly hôn và nuôi con chung. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 31/8/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:Chị Ngô Thị Hải Y, sinh năm: 1994.

ĐKKH: Thôn H, xã B, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Nơi ở hiện nay: Số nhà 21, Chợ đầu mối LP, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đình Đ, sinh năm: 1993.

ĐKKH: Thôn H, xã B, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Hiện đang chấp hành án tại Đội 20, phân trại số 2, Trại giam số 5, Bộ Công an, trụ sở tại thị trấn T, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/7/2022 và quá trình giải quyết, xét xử, nguyên đơn chị Ngô Thị Hải Y trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Đ xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu 1 năm. Đăng ký kết hôn ngày 13/01/2014 tại UBND xã B, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh

phúc đến năm 2017, thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Sau khi mâu thuẫn xảy ra đã được hai bên gia đình phân tích khuyên giải nhưng tình cảm vợ chồng không thể hoà hợp được. Đến năm 2018 anh Đ đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nên đã bị xét xử phải đi chấp hành án 16 năm tù. Trong thời gian anh Đ ở trong trại cải tạo chị cũng đã cố gắng động viên thăm hỏi anh Đ nhưng anh Đ yêu cầu chị gửi tiền chu cấp cho anh ấy. Công việc quá khó khăn, bản thân chị một nách phải nuôi hai con nhỏ, không có khả năng quan tâm nhiều đến anh Đ. Vì vậy trong cuộc sống chị cảm thấy mỗi ngày càng mệt mỏi nên không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng. Vì vậy chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 02 con chung là cháu Nguyễn Bảo K, sinh ngày 30/6/2014 và cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 14/02/2017. Hiện nay, con cháu khỏe mạnh bình thường và đang ở với chị. Khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi 02 con. Chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng.

Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 15/8/2022 anh Nguyễn Văn Đ trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Y kết hôn với nhau tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 13/01/2014 tại UBND xã Bạch Đằng, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 04 năm. Đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, nên đã bị xét xử phải đi chấp hành án 16 năm. Nay chị Y làm đơn xin ly hôn. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên anh đồng ý ly hôn với chị Y.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Bảo K, sinh ngày 30/6/2014 và cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 14/02/2017. Vì anh đang chấp hành án không có điều kiện nuôi con, nên anh chấp nhận giao con cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng 02 con. Tạm thời anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện anh là phạm nhân nên không thể ra ngoài được. Vì vậy anh xin vắng mặt buổi phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ buổi hòa giải và phiên tòa. Quan điểm anh đề nghị Tòa án giải quyết trong bản tự khai này.

Tại phiên tòa: Chị Y, anh Đ xin vắng mặt và đã gửi đơn xin xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Về nội dung: Đề nghị Tòa án áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật TTDS; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí quyết định: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Ngô Thị Hải Y được ly hôn anh Nguyễn Đình Đ. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bảo K, sinh ngày 30/6/2014 và cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 14/02/2017 cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đ không phải cấp dưỡng do chị Y không có yêu cầu. Về án phí: Thực hiện theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị khắc phục vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

{ 1} Về tố tụng:

1.1. Xác định thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ theo chứng cứ tài liệu do nguyên đơn cung cấp, Tòa án nhân dân huyện Yên Định thụ lý và giải quyết vụ án ly hôn của chị Y và anh Đ là đúng quy định về thẩm quyền xét xử theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật TTDS.

1.2. Về sự vắng mặt của các đương sự:

Chị Y, anh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt chị Y, anh Đ là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

{2} Về nội dung:

- *Về hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa chị Y và anh Đ là tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, mặt khác anh Đ không quan tâm đến vợ con lao vào con đường phạm tội. Đó là nguyên nhân chính dẫn đến phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Đánh giá thực trạng mâu thuẫn cuộc sống vợ chồng: Chị Y và anh Đ sống ly thân từ năm 2018, không ai quan tâm đến ai. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Y và anh Đ đã mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được. Hiện tại đời sống chung đã chấm dứt. Nay chị Y xin ly hôn, về phía anh Đ cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý

ly hôn. Như vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn là phù hợp.

- *Về con chung*: Chị Y và anh Đ có 02 con chung là Nguyễn Bảo K, sinh ngày 30/6/2014 và cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 14/02/2017. Nguyên vọng của chị Y xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K và cháu N. Anh Đ cũng đồng ý để chị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con. HĐXX xét thấy: Nguyên vọng nuôi con của chị Y chính đáng, phù hợp quy định của pháp luật và thực trạng cuộc sống hai bên, anh Đ cũng đồng ý, vì vậy HĐXX chấp nhận theo nguyên vọng của hai bên là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chị Y và anh Đ không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

- *Về tài sản và công nợ chung*: Chị Y và anh Đ không có tài sản chung và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

Về án phí: Chị Y khởi kiện vụ án xin ly hôn nên phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- *Áp dụng*: Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 228, Khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật TTDS; Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

- *Tuyên xử*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Y.

Về Hôn nhân: Chấp nhận chị Ngô Thị Hải Y được ly hôn anh Nguyễn Đình Đ.

Về con chung: Chị Y và anh Đ có 02 con chung. Giao cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bảo K, sinh ngày 30/6/2014 và cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 14/02/2017. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chị Y không yêu cầu.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Các đương sự không có tài sản chung và nghĩa vụ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Ngô Thị Hải Y phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm

ngành) mà chị Y đã nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, theo Biên lai thu số AA/2021/0003537 ngày 12/7/2022. Chấp nhận Y đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Tuyên quyền kháng cáo bản án cho chị Y và anh Đ trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Yên Định;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS Yên Định;
- UBND B, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Thắng